

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 15-4-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Bà Võ Thị Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thái Dương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Nguyễn Thị N, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Lộc Hòa, xã LT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**Bị đơn:** Lê Thị N1, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lộc Hòa, xã LT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2021, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016 (Âm lịch), bà Nguyễn Thị N có cho bà Lê Thị N1 vay 03 lần tiền cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 15/6/2015 (Âm lịch), bà Nguyễn Thị N có cho bà Lê Thị N1 vay số tiền là 3.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 20/10/2015 (Âm lịch), bà Nguyễn Thị N có cho bà Lê Thị N1 vay số tiền là 5.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 25/6/2016 (Âm lịch), bà Nguyễn Thị N có cho bà Lê Thị N1 vay số tiền là 7.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần vay tiền, bên bà Lê Thị N1 vay của bà Nguyễn Thị N số tiền là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Khi vay tiền, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có thành lập hợp đồng vay tài sản và không thỏa thuận lãi suất. Hai bên thỏa thuận khi nào bên bà N cần và thông báo đòi nợ thì bên bà N1 sẽ trả lại. Tuy nhiên, đến tháng 10/2018, bà N có đến gặp bà N1 để đòi lại số tiền cho vay nhưng bà N1 không trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Lê Thị N1 phải hoàn trả lại số tiền vay còn thiếu là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện BĐ đối với bà Lê Thị N1, bà N1 trình bày:

Bà Lê Thị N1 thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N, bà N1 thừa nhận có vay của bà N 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Hiện tại, bà N1 đang gặp tai nạn xe, hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên yêu cầu trả dần mỗi tháng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

\* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự trễ hạn là vi phạm quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Buộc bà Lê Thị N1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay còn thiếu là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị N tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên bà N1 có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt bà N1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy vào các ngày 15/6/2015 (Âm lịch); 20/10/2015 (Âm lịch) và ngày 25/6/2016 (Âm lịch), bà Nguyễn Thị N có cho bà Lê Thị N1 vay tổng cộng 03 lần tiền với tổng số tiền là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Khi cho vay, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản và không có thỏa thuận lãi suất. Hai bên thỏa thuận, khi nào bên bà N cần và thông báo đòi nợ thì bên bà N1 sẽ trả lại. Trong quá trình tố tụng, bà Lê Thị N1 cũng thừa nhận có vay của bà N số tiền là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, đến khi bà N yêu cầu bà N1 trả tiền vay, bên bà Lê Thị N1 không thực hiện nghĩa vụ là quy phạm quy định tại các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Sự thừa nhận của bà Lê Thị N1 về việc bà N1 thiếu bà N 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Lê Thị N1 phải hoàn trả số tiền đã vay là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà N không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên nên không xem xét.

[3] Bà Lê Thị N1 cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn và yêu cầu mỗi tháng trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[4] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố

tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên bà Lê Thị N1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 227, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Lê Thị N1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị N1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay còn thiếu là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị N tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị N1 phải chịu số tiền án phí là 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Lê Thị N1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Đăng Phi**